TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận
Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyên Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 489/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 489/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số K364/23 đường D, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 15, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông H chung sống như vợ chồng từ năm 2006 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ tôi số K364/23 đường D, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng tôi

thường nhậu nhẹt, say xỉn rồi về nhà đập phá, gây gỗ và đánh tôi, vì sự việc này xảy ra nhiều lần nên cha mẹ tôi cũng không đồng ý để vợ chồng tôi sống trong nhà nữa nên chúng tôi cũng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Năm 2010, tôi đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông H nhưng vì suy nghĩ cho các con nên đã cố gắng quay về chung sống với chồng nhưng ông H vẫn không thay đổi tính cách. Đến nay vì mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, hôn nhân không thể hàn gắn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Chúng tôi có có 02 con chung là T1, sinh ngày 04/10/2006 và H1, sinh ngày 11/4/2008. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung H1, giao con chung T1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa ông H vắng mặt nhưng tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải ông H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian và điều kiện kết hôn. Tôi xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ tôi không san sẻ vấn đề tài chính gia đình với tôi, cũng không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích nên chúng tôi đã sống ly thân gần 05 năm nay. Hiện nay vợ tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý vì tôi không muốn các con thiếu sự chăm sóc của cha mẹ, tôi đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về chung sống.

Về quan hệ con chung: Tôi mong muốn đoàn tụ nên không đề cập đến vấn đề này. Nhưng nếu ly hôn thì tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung T1, sinh ngày 04/10/2006 và H1, sinh ngày 11/4/2008, tôi không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà T được ly hôn với ông H; giao con chung T1, sinh ngày 04-10-2006 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung H1, sinh ngày 11-4-2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông H đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo bản tự khai và tại các buổi hòa giải, các đương sự đều trình bày bà T và ông H chung sống như vợ chồng từ năm 2006 đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chia sẻ về tài chính để cùng nhau lo cho cuộc sống của con cái, ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà T kiên quyết xin ly hôn với ông H vì bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được còn ông H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông bà đã có thời gian chung sống hạnh phúc từ năm 2006 đến năm 2010, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông H mặc dù có mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng Tòa án đã hòa giải để vợ chồng ông quay về đoàn tụ nhưng ông H không có mặt tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Qua đó, thể hiện ông H đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, từ cuối năm 2016 do mâu thuẫn với gia đình nhà bà T nên ông H đã đi khỏi địa phương, không còn sống chung với bà T và hai con nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà T là hợp tình hợp lý.

[4] Về quan hệ con chung: Bà T và ông H đều trình bày trình bày vợ chồng có 02 con chung tên T1, sinh ngày 04/10/2006 và H1, sinh ngày 11/4/2008. Hiện nay, hai cháu đang ở cùng bà T. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung H1 và giao con chung T1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Mặc dù ông H không thống nhất ly hôn nhưng nếu ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của các bên đương sự thì

thấy, hiện nay các con chung đang ở cùng bà T nhưng bản thân bà T cảm thấy khả năng không đủ điều kiện để nuôi hai con chung nên bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung H1 và giao con chung T1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Mặt khác, tại bản tự khai của các con chung, cháu T1 có nguyện vọng được ở cùng ba còn cháu H1 được ở cùng mẹ. Do vậy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung H1 và giao con chung T1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp điều kiện nuôi dưỡng của bà T ông H và nguyện vọng của các con chung.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo luật định.

[7] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà T đối với ông H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông H.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08, quyển số 01/2007, ngày 19 tháng 01 năm 2007 của UBND phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng)

2. Về quan hệ con chung: Bà T và ông H có 02 con chung tên T1, sinh ngày 04/10/2006 và H1, sinh ngày 11/4/2008.

Giao con chung tên T1, sinh ngày 04/10/2006 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung H1, sinh ngày 11/4/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0005177 ngày 01/10/2019.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường C, quận K, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà